

Số: 276/QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ thông tư 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/08/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGD&ĐT ngày 05/04/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên của các trường Đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 88/ĐHKB-HĐT ngày 04 tháng 09 năm 2024 của Hội đồng Trường Đại học Kinh Bắc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo và công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy trường Đại học Kinh Bắc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ năm học 2024-2025. Các quy định trước đây liên quan đến đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại trường Đại học Kinh Bắc trái với Quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3. Trường các đơn vị thuộc Trường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐT, BHG (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường (để t/h);
- Website trường;
- Lưu: VT, P.QLĐT&CTSV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH BẮC
TS. PHẠM NGỌC TRÚC

QUY CHẾ

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy trường Đại học Kinh Bắc

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 276/QĐ-ĐHKB ngày 19 tháng 5 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Kinh Bắc (sau đây gọi tắt là Nhà trường) bao gồm: Đánh giá rèn luyện và khung điểm; phân loại kết quả và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy theo quy định tuyển sinh đầu vào của Nhà trường.

Điều 2. Mục đích

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nhằm:

1. Định hướng những nội dung rèn luyện cụ thể của sinh viên trong điều kiện đào tạo theo hình thức tín chỉ.
2. Là căn cứ để xét cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và các loại học bổng hàng năm của Nhà trường, căn cứ phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Yêu cầu

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên từng học kỳ, năm học và toàn khóa.
2. Quá trình đánh giá phải đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, công khai, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người được đánh giá.
3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong Nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

CHƯƠNG II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức và kết quả học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và thái độ học tập;
- b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
- c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;
- d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
- e) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành các bản bản chỉ đạo của Khoa, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong Nhà trường;
- b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong Nhà trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;
- c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Đánh giá ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;

b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;

c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, các tổ chức Đoàn thanh niên và các tổ chức khác trong Nhà trường;

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên và các tổ chức khác trong Nhà trường;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Nhà trường;

d) Người học đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

CHƯƠNG III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100 và được phân thành các loại: Xuất sắc, Tốt, Khá, Trung bình, Yếu và Kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

a) Từ 90 đến 100 điểm: loại Xuất sắc;

b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại Tốt;

c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại Khá;

d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại Trung bình;

e) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại Yếu;

f) Dưới 35 điểm: loại Kém.

Điều 10. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại Khá.
2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại Trung bình.
3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.
4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.
5. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.
6. Sinh viên nghỉ học tạm thời, được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định, khi nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không tính điểm rèn luyện.
7. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.
8. Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.
9. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân và thành tích đạt được để tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do Nhà trường quy định (*Phụ lục 1*).
2. Tổ chức họp lớp có giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được hơn một nửa ý kiến đồng ý của những người tham dự đồng thời phải có biên bản kèm theo (*Phụ lục 2*).

Giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập xác nhận kết quả họp lớp và chuyển kết quả rèn luyện của người học về Khoa.

3. Khoa họp xét, thống nhất, nhập điểm rèn luyện lên phần mềm UniStudent và gửi báo cáo gửi về phòng QLĐT&CTSV. Khoa sẽ có trách nhiệm thông báo kết quả cho sinh viên, xử lý khiếu nại của sinh viên trước khi nhập điểm rèn luyện lên phần mềm UniStudent và gửi về phòng QLĐT&CTSV (Phụ lục 3).

4. Phòng QLĐT&CTSV họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả rèn luyện.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Đánh giá kết quả rèn luyện

1. Nhiệm vụ phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên

a) Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

b) Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Khoa có sinh viên, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên, trình Hiệu trưởng công nhận kết quả rèn luyện.

2. Nhiệm vụ của Khoa

a) Có nhiệm vụ xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong đơn vị.

b) Căn cứ vào quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập của từng đơn vị lớp học, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Lãnh đạo khoa công nhận kết quả rèn luyện.

c) Có nhiệm vụ xử lý các khiếu nại của sinh viên về điểm rèn luyện trong thời gian công khai thông tin kết quả đánh giá theo quy định và các trường hợp phát sinh khác.

Điều 13. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt của 5 nội dung đánh giá chi tiết theo quy định.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện hai học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa là trung bình chung của điểm rèn luyện các học kỳ của toàn khóa học.

Điều 14. Sử dụng kết quả rèn luyện

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng khen thưởng, khuyến khích học tập.
2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của nhà trường, làm căn cứ để xét tốt nghiệp.
3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.
4. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện Yếu, Kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm dừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện Yếu, Kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại về Khoa nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, các đơn vị phụ trách có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo đúng quy định hiện hành./.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Kết thúc năm học, Nhà trường đánh giá, Tổng kết và báo cáo công tác thực hiện Quy chế này về Bộ GD&ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH BẮC

TS. PHẠM NGỌC TRÚC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, Ngày ... tháng ... năm

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
HỌC KỲ ... NĂM HỌC**

Họ và tên sinh viên: Ngày sinh:

Lớp: Ngành: Khoa:

Mã sinh viên: Khóa: SĐT:

Địa chỉ thường trú (theo CCCD):

Tiêu chí đánh giá		Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đánh giá
1.	Đánh giá về ý thức học tập (tối đa 20 điểm)	1.1	Ý thức và thái độ trong học tập, thi cử		
		a.	Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra	3đ	
		b.	Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học	3đ	
		c.	Vi phạm quy chế thi bị xử lý kỷ luật	-5đ	
		1.2	Tham gia nghiên cứu khoa học, các CLB học thuật, hoạt động học thuật và ngoại khóa, các cuộc thi học thuật chuyên môn từ cấp trường trở lên.	2đ	
		1.3	Đánh giá về tinh thần phấn đấu trong học tập	2đ	
		1.4	Kết quả học tập (<i>chọn 1 trong 3</i>)		
		a.	Điểm TBCHT từ 3.2 trở lên	10đ	
		b.	Điểm TBCHT từ 2.0 đến 3.2	6đ	
c.	Điểm TBCHT dưới 2.0	2đ			

Tiêu chí đánh giá		Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đánh giá	
2.	Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường (tối đa 25 điểm)	2.1	Chấp hành các văn bản chỉ đạo của khoa, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong nhà trường: tham gia BHYT đầy đủ đúng quy định (chọn 1 trong 3)			
		a.	Đầy đủ	10đ		
		b.	Chưa đầy đủ	5đ		
		c.	Không chấp hành	0đ		
		2.2	Chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong nhà trường (chọn 1 trong 3)			
		a.	Đầy đủ	10đ		
		b.	Chưa đầy đủ	5đ		
		c.	Không chấp hành	0đ		
2.3	Tham gia các buổi trao đổi kinh nghiệm học tập, nội quy, quy chế học tập, các buổi sinh hoạt lớp	5đ				
2.4	Vi phạm nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường	-5đ				
3.	Đánh giá về ý thức tham gia hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (tối đa 20 điểm)	3.1	Tham gia các hoạt động, sinh hoạt phong trào, trình nguyện, công tác xã hội; Tham gia các buổi sinh hoạt, hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, các hoạt động cổ vũ văn nghệ, thể thao; Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (chọn 1 trong 3)			
		a.	Xuất sắc và Tốt	16đ đến 20đ		
		b.	Đạt	10đ đến 15đ		
		c.	Yếu Kém	0đ đến 5đ		
		3.2	Không tham gia hoạt động tập thể, có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức các hoạt động	-2đ		

Tiêu chí đánh giá		Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đánh giá	
4.	Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (tối đa 25 điểm)	4.1	Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà Nước trong cộng đồng: tham gia các hoạt động theo quy định của nơi cư trú, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về giao thông và trật tự đô thị, phòng chống ma túy mại dâm ... (chọn 1 trong 3)			
		a.	Tốt, đầy đủ	10đ		
		b.	Chưa tốt, chưa đầy đủ	5đ		
		c.	Chưa thực hiện	0đ		
		4.2	Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng có xác nhận (chọn 1 trong 3)			
		a.	Có thành tích được biểu dương, khen thưởng	10đ		
		b.	Có thành tích được ghi nhận	5đ		
		c.	Không có thành tích gì	0đ		
		4.3	Có tinh thần tham gia, hỗ trợ các hoạt động cộng đồng, xã hội, chia sẻ, giúp đỡ người khó khăn (chọn 1 trong 3)			
		a.	Xuất sắc và Tốt	5đ		
		b.	Đạt	3đ		
		c.	Yếu kém	0đ		
		4.4	Thiếu ý thức giữ gìn của công, vi phạm pháp luật bị khiếu nại sai phạm đến Nhà trường	-10đ		

Tiêu chí đánh giá		Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đánh giá	
5.	Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên (tối đa 10 điểm)	5.1	Sinh viên là cán bộ lớp, cán bộ Đoàn, cán bộ Đảng trong Nhà trường + Có ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên và các tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học; + Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên trong Nhà trường. (chọn 1 trong 3)			
		a.	<i>Xuất sắc & Tốt</i>	8đ đến 10đ		
		b.	<i>Đạt</i>	5đ đến 7đ		
		c.	<i>Yếu Kém</i>	0đ đến 3đ		
		5.2	Sinh viên Không là cán bộ lớp, cán bộ Đoàn, cán bộ Đảng trong Nhà trường + Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Nhà trường; + Đạt những thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện. (chọn 1 trong 3)			
		a.	<i>Xuất sắc & Tốt</i>	8đ đến 10đ		
		b.	<i>Đạt</i>	5đ đến 7đ		
		c.	<i>Yếu Kém</i>	0đ đến 3đ		
		5.3	Điểm trừ: cán bộ lớp, đoàn không hoàn thành nhiệm vụ được phân công	-3đ		
		TỔNG ĐIỂM XẾP LOẠI				

Xếp loại rèn luyện:

SINH VIÊN
(ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BCS LỚP
(ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH LỚP
(ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, Ngày ... tháng ... năm

BIÊN BẢN HỌP TỔNG KẾT NĂM HỌC

Lớp:..... Ngành:..... Khoa:

1. Địa điểm:

2. Thời gian: ngày ... tháng ... năm

3. Thành phần tham dự

- Chủ trì cuộc họp:

- Thư ký cuộc họp:

- Sinh viên tham dự: ; Số sinh viên vắng:

4. Nội dung:

Tổng số sinh viên: sinh viên (Nam:....., Nữ:

a) Kết quả học tập

STT	XẾP LOẠI	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Xuất sắc			
2	Giỏi			
3	Khá			
4	Trung bình			
5	TB yếu			
6	Kém			

b) Kết quả rèn luyện

STT	XẾP LOẠI	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Xuất sắc			
2	Tốt			
3	Khá			
4	Trung bình			
5	Yếu			
6	Kém			

c) Tổng số sinh viên bị kỷ luật: sinh viên.

d) Kết quả tham gia phong trào của sinh viên:

.....

5. Kiến nghị, đề xuất, khen thưởng

a) Thuận lợi:

b) Khó khăn:

c) Đề xuất, khen thưởng:

STT	HỌ TÊN SV	XẾP LOẠI NĂM HỌC	TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG CỦA SINH VIÊN
1			
2			
3			
4			
5			

ĐẠI DIỆN BCS LỚP
 (ký và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
 (ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ
 (ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, Ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
NĂM HỌC.....**

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM RÈN LUYỆN			XẾP LOẠI RÈN LUYỆN (NĂM HỌC)	XẾP LOẠI HỌC TẬP (TĐ4)	GHI CHÚ
				HỌC KỶ 1	HỌC KỶ 2	NĂM HỌC			
01	13D.....	Nguyễn Văn A	00/00/0000	95	95	95	Giỏi	Giỏi	
02									
03									
04									
05									

Danh sách gồm ... sinh viên ./.

XÁC NHẬN KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH LỚP
(ký và ghi rõ họ tên)

091 01

